TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/ HNGĐ-ST
Ngày: 27-8-2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Quang Kim Cúc;

Ông Nguyễn Phát Triển.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Trung Vinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 540/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Văn T - Sinh năm: 1982. (có mặt); *Địa chỉ:* 149A, ấp An Bình, xã Định Yên, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Võ Thị Tuyết N - Sinh năm: 1978. (vắng mặt); *Địa chỉ:* 796A/3, ấp Tân Phú, xã Tân Phước, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Văn T trình bày:

Vào Năm 1998, Trần Văn T và Võ Thị Tuyết N sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, do không hiểu biết về pháp luật. Trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hợp nhau, thương xuyên cự cải, năm 2001 Võ Thị Tuyết N bỏ nhà đi và có chồng khác, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay Trần Văn T yêu cầu được ly hôn với Võ Thị Tuyết N. Vợ chồng có 01 con chung là Trần Văn Quan L, sinh ngày: 24/7/2000, nay con đã trưởng thành nên Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về

tài sản chung Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung Trần Văn T trình bày không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Võ Thị Tuyết N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Trần Văn T và Võ Thị Tuyết N sống chung như vợ chồng từ năm 1998 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, pháp luật không công nhận là vợ chồng, vì đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý."

Tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

"*1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này."*

Đối chiếu khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

"2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này....".

[2] Về con chung: Có 01 con chung là Trần Văn Quan L, sinh ngày: 24/7/2000; con đã trưởng thành nên Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét, giải quyết

[3] Về tài sản chung: Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[5] Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Võ Thị Tuyết N để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử cần nên xét xử vắng mặt

đối với chị Võ Thị Tuyết N theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Nguyên đơn Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn và nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 228; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận Trần Văn T và Võ Thị Tuyết N là vợ chồng.

2. Về án phí và tạm ứng án phí: Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà Trần Văn T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0001580, ngày 06/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Trần Văn T đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/8/2019). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Út

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.